

VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA KHU TỰ TRỊ TÂY BẮC TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC

Đào Văn Trường¹, Đinh Văn Luân²

¹Trường Đại học Tây Bắc

²Trường Đại học Phòng cháy Chữa cháy

Tóm tắt: Khu tự trị Tây Bắc tiền thân là (Khu Tự trị Thái - Mèo) có vai trò và đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1955-1975). Trên cơ sở đó, bài viết tập trung nghiên cứu quan điểm, chủ trương của Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc thành lập Khu tự trị Tây Bắc trong cách mạng; tổng kết, đánh giá vị trí, vai trò và đóng góp của Khu tự trị Tây Bắc đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội giai đoạn 1955-1975.

Từ khóa: Cách mạng, chủ nghĩa xã hội, khu tự trị, Tây Bắc.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tây Bắc là mảnh đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, nơi sinh sống của nhiều đồng bào dân tộc. Đây là vùng đất phen dậu cực Tây của Tổ quốc với đường biên giới quốc gia tiếp giáp với các tỉnh Bắc Lào và khu vực Vân Nam (Trung Quốc). Do đó, Tây Bắc có vị trí chiến lược trong bảo vệ độc lập, chủ quyền an ninh quốc gia, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế. Nhận thức được điều đó, trong sự nghiệp cách mạng, Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức coi trọng vị trí, vai trò và tầm quan trọng của khu vực Tây Bắc đối với sự nghiệp cách mạng; luôn quan tâm, tạo điều kiện cho đồng bào và nhân dân các dân tộc Tây Bắc phát huy truyền thống đoàn kết, bình đẳng, tương thân, tương ái; khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tích cực, chủ động, năng động, sáng tạo của đồng bào và nhân dân các dân tộc Tây Bắc trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Chính vì vậy, sau chiến thắng Điện Biên Phủ (năm 1954); nhằm thực hiện chủ trương, chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết của Đảng; chống lại âm mưu chia rẽ, gây mất đoàn kết dân tộc, làm thất bại âm mưu tái lập “Xứ Thái tự trị” của các thế lực thù địch thân Pháp. Ngày 29 tháng 4 năm 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Sắc lệnh số 230-SL Về việc thành lập Khu tự trị Thái-Mèo tiền thân của Khu tự trị Tây Bắc. Đến ngày 27 tháng 10 năm 1962, tại kỳ họp thứ năm Quốc hội khóa II đã quyết

định đổi tên Khu tự trị Thái - Mèo thành Khu tự trị Tây Bắc. Trong “Thư gửi đồng bào Khu tự trị Thái-Mèo” ngày 7 tháng 5 năm 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Nay do Đảng đề nghị và Chính phủ quyết định lập Khu tự trị Thái - Mèo. Mục đích lập Khu tự trị Thái - Mèo là: làm cho các dân tộc anh em dần dần tự quản lý lấy công việc của mình, để mau chóng phát triển kinh tế và văn hoá của mình, để thực hiện các dân tộc bình đẳng về mọi mặt...Khu tự trị Thái - Mèo của chúng ta ngày nay là dân chủ, do nhân dân làm chủ. Nó khác hẳn với “Xứ Thái tự trị” giả hiệu của địch mà mục đích là để chia rẽ và áp bức các dân tộc”[4; tr.453]. Ngày 27 tháng 10 năm 1962, Quốc hội thông qua Nghị quyết đổi tên khu tự trị Thái Mèo thành khu tự trị Tây Bắc. Sự ra đời của Khu tự trị Tây Bắc, đánh dấu bước ngoặt lịch sử quan trọng đối với sự phát triển của khu vực Tây Bắc; khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong sự nghiệp cách mạng tại Việt Nam.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái quát quá trình ra đời của Khu tự trị Tây Bắc

Tây Bắc là khu vực thuộc phía Tây Bắc của Việt Nam, có tài nguyên thiên nhiên phong phú, vị trí địa chính trị quan trọng trong bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Xét về mặt vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, khu vực Tây Bắc bao gồm 6 tỉnh: Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, với truyền thống bản sắc văn hóa đa dạng, nơi sinh sống của hơn 20 dân tộc anh em như: Kinh, Thái,

Mường, H'Mông, Tày, Nùng, Dao, Hoa, Lào, Khơ Mú, Hà Nhì...Do đó, trong suốt chiều dài lịch sử cách mạng, Tây Bắc có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng, được Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm. Riêng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có trên 20 bài viết, thư, điện gửi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc Tây Bắc như: Thư gửi cán bộ và chiến sĩ chiến dịch Tây Bắc (tháng 10 năm 1952); Thư gửi các chiến sĩ và dân công ở mặt trận Tây Bắc (tháng 10 năm 1952); Thư gửi bộ đội và dân công ở mặt trận Tây Bắc và đồng bằng (tháng 12 năm 1952); Bài nói tại Hội nghị tổng kết chiến dịch Tây Bắc (năm 1953); Thư gửi quân và dân Tây Bắc (năm 1953); Thư khen ngợi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào Tây Bắc đã chiến thắng vẻ vang ở Điện Biên Phủ (năm 1954); Thư gửi đồng bào Khu Tự trị Thái Mèo (năm 1955); Thư gửi đồng bào Khu Tự trị Thái Mèo nhân kỉ niệm một năm thành lập (ngày 7 tháng 5 năm 1956); Bài nói chuyện tại cuộc mít tinh ở Thuận Châu (tỉnh Sơn La ngày 7 tháng 5 năm 1959); Bài nói chuyện với nhân dân, bộ đội, cán bộ tại Yên Châu (Sơn La ngày 8 tháng 5 năm 1959); Thư gửi đồng bào, bộ đội và cán bộ Tây Bắc (năm 1965); Thư khen quân và dân Yên Bái bắn rơi chiếc máy bay thứ 800 của giặc Mỹ trên miền Bắc (năm 1965)...

Trong thời kỳ xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp thực hiện chính sách “chia để trị”, “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, lợi dụng vấn đề dân tộc, văn hóa, tôn giáo, lãnh thổ gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chúng lập ra các khu vực tự trị giả hiệu như “Xứ Mường tự trị”, “Xứ Nùng tự trị”; trong đó tại khu vực Tây Bắc chúng lập ra “Xứ Thái tự trị” để mua chuộc, dụ dỗ, lôi kéo quần chúng tham gia; nhằm chia rẽ các dân tộc thiểu số với người Kinh, phá hoại khối đoàn kết dân tộc; ngăn chặn ảnh hưởng của Đảng và cách mạng trong quần chúng nhân dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số. Nhằm phá tan âm mưu thâm độc đó của thực dân Pháp, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định mở Chiến dịch Tây Bắc (năm 1952) giải phóng khu vực Tây Bắc khỏi sự cai trị tàn bạo của thực dân Pháp. Sau thắng lợi của Chiến dịch Tây Bắc, ngày 28 tháng 1 năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 134-SL Về việc thành lập Khu Tây Bắc gồm các tỉnh: Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái. Trong đó quy định: “Điều 1: Để củng cố căn cứ địa Tây Bắc mới giải phóng, nay thiết lập Khu Tây Bắc

gồm các tỉnh Lào-cai, Yên-bái, Sơn-la và Lai-châu tách ra ngoài Liên khu Việt Bắc.”[6]. Khu Tây Bắc được thành lập (năm 1953) thuộc khu địa giới các đơn vị kháng chiến hành chính trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1946-1954, góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (năm 1954) toàn bộ khu vực Tây Bắc được giải phóng, mở ra trang sử mới trong quá trình hình thành và phát triển của khu vực Tây Bắc. Đó là thời kỳ độc lập, tự do, hòa bình cùng nhân dân miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, sau gần 70 năm cai trị, áp bức, bóc lột của thực dân Pháp; khu vực Tây Bắc chịu ảnh hưởng nặng nề bởi chính sách cai trị thâm độc, tàn bạo của chế độ thực dân, phong kiến, hậu quả của chiến tranh tàn phá làm cho cuộc sống của đồng bào các dân tộc Tây Bắc gặp rất nhiều khó khăn, kinh tế chủ đạo là nền nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu; trình độ dân trí còn thấp, tình trạng nghèo đói, mù chữ, các hủ tục lạc hậu hết sức nghiêm trọng, tình hình an ninh chính trị phức tạp, tình trạng chia rẽ, mất đoàn kết trong quần chúng nhân dân thường xuyên xảy ra; lợi dụng vấn đề dân tộc, lãnh thổ, các thế lực thù địch, lực lượng thù phi, biệt kích, thám báo cùng các phần tử tay sai phản động ra sức chống phá chính quyền cách mạng. Chúng tổ chức nhiều vụ “Xung vua”, “Đón vua”, đòi tái lập “Xứ Thái tự trị” từ thời Pháp thuộc, gây mất ổn định an ninh chính trị khu vực Tây Bắc đe dọa trực tiếp đến an ninh quốc gia, độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Mặt khác, hệ thống chính quyền cách mạng mới được thành lập còn hết sức non trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện “Năm 1955, toàn Khu có 16 châu (huyện) thì 9 châu vẫn hoàn toàn chưa thành lập được Chi bộ Đảng; trong tổng số 316 xã mới chỉ có 39 xã thành lập được Chi bộ đảng cơ sở (chiếm gần 8%); số lượng đảng viên chỉ chiếm 0,08% dân số; Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc chưa được hình thành. Cá biệt, ở một số địa phương vùng biên giới chính quyền cơ sở non yếu đến mức không có khả năng tổ chức và lãnh đạo nhân dân các dân tộc phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống, ổn định xã hội”[2;3].

Trước tình hình trên, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương thành lập chính quyền khu tự trị tại Tây Bắc nhằm làm thất bại âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch; phát huy tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động của đồng bào và nhân dân các dân tộc Tây Bắc; khắc phục hậu quả chiến tranh; ổn định cuộc sống, tái thiết, phát triển toàn diện khu vực Tây Bắc. Ngày 28 tháng 9 năm 1954, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về việc thành lập Khu tự trị Thái-Mèo. Ngày 29 tháng 4 năm 1955, thay mặt Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành Sắc lệnh số 230-SL Về việc thành lập khu Tự trị Thái - Mèo với 4 Chương, 21 Điều. Trong đó, quy định chi tiết về tên Khu tự trị, địa giới, địa vị hành chính; tổ chức chính quyền Khu tự trị; thực hiện quyền lợi tự trị về chính trị, quân sự, văn hóa, kinh tế, tài chính; nguyên tắc lãnh đạo của Chính phủ trung ương đối với Khu tự trị...

Khẳng định cơ sở, mục đích, ý nghĩa của việc thành lập Khu tự trị là nhằm tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc và tạo điều kiện cho các dân tộc ở Tây bắc tiến bộ mau chóng về mọi mặt, “Nay lập trong phạm vi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà khu vực tự trị của các dân tộc ở Tây bắc, gọi là Khu tự trị Thái – Mèo”[7]. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, mục đích chủ yếu của việc thành lập Khu Tự trị Thái - Mèo là: “Làm cho các dân tộc anh em dần dần tự quản lý lấy mọi công việc của mình, để mau chóng phát triển kinh tế và văn hoá của mình, để thực hiện các dân tộc bình đẳng về mọi mặt. Khu tự trị Thái – Mèo là một bộ phận khăng khít trong đại gia đình Việt Nam”[4; tr.453].

Khu tự trị Thái - Mèo là một bộ phận của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Về mặt vị trí và không gian lãnh thổ: Phía Bắc giáp với Trung Quốc, phía Tây và phía Nam giáp Lào, phía Đông-Nam giáp vùng Mường Hoà Bình, phía Đông có dãy núi Phan-si-pan ngăn cách với các dân tộc tập trung ở lưu vực sông Hồng; Khu tự trị bao gồm 16 châu: “Mường-tè, Mường-lay, Sinh-hồ, Điện-biên, Quỳnh-nhai, Sông Mã, Tuần-giáo, Thuận-châu, Mường-la, Mai-son, Yên-châu, Mộc-châu, Phù-yên (tức là toàn bộ hai tỉnh Sơn La, Lai Châu), Phong-thổ (Lao-cai), Than-Uyên, Văn-chấn (Yên Bái)”[7]. Chính quyền và nhân dân khu tự trị phải tuân theo đường lối, chính sách chung của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, mà quản lý những việc trong khu tự trị.

Ngày 27 tháng 10 năm 1962, Quốc hội thông qua Nghị quyết đổi tên khu tự trị Thái Mèo thành Khu tự trị Tây Bắc và thành lập ba

tỉnh trong khu bao gồm: Tỉnh Lai Châu gồm 7 huyện: Điện Biên, Tuần Giáo, Mường Tè, Tủa Chùa, Mường Lay, Sinh Hồ và Phong Thổ. Tỉnh Sơn La gồm thị xã Sơn La và 7 huyện: Quỳnh Mai, Thuận Châu, Mường La, Mai Sơn, Sông Mã, Yên Châu, Mộc Châu. Tỉnh Nghĩa Lộ gồm 4 huyện: Than Uyên, Mù Cang Chải, Văn Chấn và Phù Yên. Khu tự trị lúc đó có diện tích 67.300 km², với số dân 438.000 người. Ngày 27 tháng 12 năm 1975, cùng với Khu tự trị Việt Bắc, Khu tự trị Tây Bắc giải thể kết thúc vai trò lịch sử sau hơn 20 năm tồn tại và phát triển.

Như vậy, việc thành lập Khu tự trị Tây Bắc (tiền thân là Khu tự trị Thái – Mèo) là một chủ trương đúng đắn, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đồng bào các dân tộc Tây Bắc; phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình thực tiễn hết sức khó khăn, phức tạp của khu vực Tây Bắc khi đó; đồng thời ngăn chặn âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch, đáp ứng yêu cầu lịch sử của sự nghiệp cách mạng và nguyện vọng của đồng bào nhân dân các dân tộc Tây Bắc trong công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2.2. Vị trí, vai trò của Khu tự trị Tây Bắc trong công xây dựng chủ nghĩa xã hội

Sau năm 1975, thực hiện chủ trương thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa V đã phê chuẩn chủ trương xóa bỏ đơn vị hành chính cấp khu tại các Khu tự trị và hợp nhất 1 số tỉnh; trong đó có việc xóa bỏ Khu tự trị Tây Bắc, Khu tự trị Việt Bắc.

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Khu tự trị Tây Bắc đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp vào thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; cùng với nhân dân miền Bắc làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn với tiền tuyến lớn; chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam, góp phần quan trọng vào giải phóng hoàn toàn miền Nam; kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sau 21 năm (1954-1975) và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc (1945-1975). Trong đó, vị trí, vai trò và đóng góp của Khu tự trị Tây Bắc đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc được thể hiện cụ thể như sau:

Thứ nhất, Khu tự trị Tây Bắc ra đời giữ vai trò quan trọng trong việc phát huy truyền thống đoàn kết; tinh thần yêu nước, tích cực, chủ động, năng động, sáng tạo của đồng bào các dân tộc Tây Bắc trong cuộc cách mạng dân

tộc dân chủ nhân dân cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Như sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sỹ và nhân dân các dân tộc Tây Bắc phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng nỗ lực cố gắng thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xây dựng và phát triển quê hương Tây Bắc ngày một giàu đẹp, văn minh, ấm no, tự do, hạnh phúc “Kháng chiến nhất định thắng lợi, nhưng phải trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh. Đồng bào, bộ đội và cán bộ ta ở Tây Bắc phải hăng hái tham gia công cuộc kháng chiến để cùng đồng bào, bộ đội và cán bộ toàn quốc đánh đuổi giặc Tây, giặc Mỹ và tranh lại độc lập cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân”[3; tr.336].

Thứ hai, Khu tự trị Tây Bắc ra đời góp phần giữ vững sự ổn định về chính trị, xây dựng được hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân vững chắc trong đồng bào và nhân dân các dân tộc tại khu vực Tây Bắc; tạo dựng niềm tin vững chắc của nhân dân vào Đảng, Chính phủ, vào sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Theo đó, hệ thống tổ chức chính quyền Khu tự trị Thái Mèo có 3 cấp gồm: Cấp khu, cấp châu và cấp xã (bỏ cấp tỉnh) tồn tại trong khoảng thời gian từ năm 1955 đến cuối năm 1962. Từ cuối 1962 trở đi, hệ thống chính quyền Khu tự trị gồm 4 cấp: cấp Khu, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Trong đó, cấp xã là đơn vị hành chính thấp nhất. Chính quyền Khu tự trị tổ chức theo chế độ dân chủ tập trung. Bộ máy chính quyền Khu tự trị gồm: Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính. Tùy theo sự cần thiết sẽ tổ chức các ngành chuyên môn giúp việc. Thành phần Hội đồng nhân dân phải có đủ đại biểu các dân tộc; cần chiếu cố đến các dân tộc ít người khi bầu cử Ủy ban hành chính. Trong giai đoạn 1955-1975 “Khu tự trị Tây Bắc có 17 đại biểu Quốc hội khóa V (trong đó 13 là dân tộc thiểu số), bộ máy Ủy ban hành chính các cấp: Số cán bộ người daan tộc chiếm 76 - 80% (số cán bộ dân tộc 20 năm tăng từ 865 lên 9575 người, số có trình độ trung học, đại học là 934 người trong số 8722 người), số cán bộ lãnh đạo các cấp tăng từ 375 người (năm 1955) lên 4324 người (năm 1974)”[8].

Thứ ba, Khu tự trị Tây Bắc ra đời có vai trò quan trọng trong tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc Tây Bắc xây dựng chế độ mới, thực hiện các quyền tự do, dân chủ. Với vị trí địa chiến lược quan trọng về chính trị và an ninh quốc phòng. Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cùng tay sai phản động ra sức

chống phá Đảng, Nhà nước và sự nghiệp cách mạng; chúng âm mưu tái lập cái gọi là “Xứ Thái tự trị” do thực dân Pháp lập ra trước đây. Chúng lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, văn hóa, nhân quyền, lãnh thổ gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc; cài cắm gián điệp, tung biệt kích, gây phi, tung tin đồn thất thiệt, tuyên truyền, xuyên tạc phá hoại đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sắc lệnh số 230-SL ngày 29/4/1955 Về việc thành lập Khu tự trị Thái - Mèo (tiền thân của Khu tự trị Tây Bắc) quy định: “Khi có Tổng tuyển cử bầu Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nhân dân các dân tộc trong Khu tự trị có quyền bầu cử và ứng cử. Người các dân tộc trong Khu tự trị tùy theo tài đức của mình và sự tín nhiệm của nhân dân, có thể tham gia các cơ quan của khu tự trị, và các cơ quan của Chính phủ Trung ương. Chính quyền Khu tự trị có quyền mở trường huấn luyện, cử người đi học, v.v... để đào tạo cán bộ chính trị, quân sự và chuyên môn cần thiết cho mọi mặt công tác trong khu tự trị. Dựa trên luật pháp chung của nước nhà, và căn cứ vào tình hình đặc biệt ở địa phương, chính quyền khu tự trị được quyền quy định những luật lệ riêng. Những luật lệ riêng này sau khi được Chính phủ Trung ương thông qua mới thi hành”[7].

Thứ tư, Khu tự trị Tây Bắc ra đời có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu, định hình phát triển nền kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa, nền tài chính phù hợp với đặc điểm, điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn của địa phương. Sắc lệnh số 230-SL ngày 29/4/1955 quy định: Dưới chế độ tài chính thống nhất của nước nhà, chính quyền khu tự trị được quyền quản lý nền tài chính trong khu tự trị, tức là tự quản lý thu, chi trong khu tự trị. Khu tự trị sẽ trích một phần trong số thu của mình để đóng góp vào ngân sách toàn quốc; lúc cần thiết Chính phủ Trung ương sẽ trích một phần trong ngân sách toàn quốc để trợ cấp cho Khu tự trị. Ngân sách hàng năm của Khu tự trị do Chính phủ Trung ương duyệt y. Dưới chế độ kinh tế và theo kế hoạch xây dựng kinh tế chung của nước nhà, khu tự trị sẽ có kế hoạch kinh tế riêng để phát triển nền kinh tế của khu, hợp với hoàn cảnh và điều kiện riêng của khu tự trị.

Trong 20 năm xây dựng, phát triển, nền kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa tại Khu tự trị Tây Bắc đã bước đầu hình thành và đạt được những kết quả tích cực. Từ năm 1954 thực hiện cải cách dân chủ xóa bỏ chế độ bóc lột công nhóc (hay chế độ Phia Tạo), xóa bỏ ruộng chức, chia ruộng cho nông dân lao động, đã đưa 79% hộ nông dân vào hợp tác xã nông

nghiệp - 50% số hợp tác xã lập được kế hoạch sản xuất hàng năm, thực hiện 3 khoán - những hợp tác xã tiên tiến như Nậm Mùn, Bản Phủ (Lai Châu), Púng Luông, Cao Đa (Nghĩa Lộ), suối Lìn, Kim Chung (Sơn La)... “Năm 1975, giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 228%, bình quân hàng năm tăng 16%, diện tích trồng lúa tăng gấp 7 lần, diện tích hoa màu tăng 2 lần. Toàn khu có 195 hợp tác xã đạt trên 5 tấn thóc/1 ha. Đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh lớn như bò, chè Mộc Châu, Cam Đường, vùng chè Văn Chấn, vùng lúa lợn Điện Biên, vùng ngô Nà Sản... Hàng năm khai thác 28000 m³ gỗ, 2,5 triệu cây tre nứa, 7000m³ củi, có 13 lâm trường, 50 hợp tác xã nghề rừng. Cây chè cả khu có 5000ha thu 7000 - 8000 tấn/ năm. Về chăn nuôi: nếu như trước thời điểm thành lập Khu tự trị Tây Bắc (năm 1954); toàn khu mới chỉ có 63.000 con trâu, 28.000 con bò, 5000 ngựa, 137.000 lợn thì đến năm 1975, toàn khu có 140.000 trâu, 43.000 bò, 52.000 ngựa, 313.000 lợn. Hằng năm cung cấp cho miền xuôi: 2000 con trâu, bò cày kéo, trên 2000 tấn trâu bò thịt”[8].

Đảm bảo cung cấp cho 1 đầu người dân được cung cấp hàng năm 6 kg muối; 4 mét vải, 3 kg dầu hỏa. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp địa phương như sản xuất điện, cơ khí, vật liệu xây dựng, may mặc, chế biến nông sản từng bước hình thành và phát triển: Nếu như năm 1955, toàn khu mới xây dựng được một xí nghiệp đầu tiên là xí nghiệp cơ khí Thuận Châu (Sơn La) với giá trị sản lượng khoảng 7000đ/năm, (giá 1kg gạo là 3 hào); 1 nhà máy thủy điện 24 KW, thì đến năm 1975, toàn khu đã xây dựng được 30 trạm thủy điện nhỏ từ 5 50 KW, có 250 điểm cơ khí nhỏ, sản xuất trên 40 loại sản phẩm đạt trị giá là 25 triệu đồng (năm 1974). Hệ thống giao thông được sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, làm mới góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thay đổi diện mạo khu vực Tây Bắc so với trước. Đã mở được hệ thống đường ô tô liên tỉnh, xuống tới huyện gần 3000km[8]. Trong đó, tỉnh Sơn La đã mở đường lên vùng cao Cò Mạ, Nghĩa lộ mở đường lên Trạm Tấu, Lai Châu mở đường lên Mường Tè, xây hàng trăm cầu công lớn phục vụ nhu cầu đi lại, phát triển kinh tế, sản xuất.

Thứ năm, Khu tự trị Tây Bắc ra đời có vai trò quan trọng trong việc động viên nhân dân các dân tộc Tây Bắc xây dựng và phát triển lực lượng quân sự tại địa phương và thực hiện nghĩa vụ quân sự với Nhà nước. Sắc lệnh số 230-SL ngày 29/4/1955 quy định: Dưới chế độ quân sự thống nhất của nước nhà, chính quyền Khu tự trị được tổ chức bộ đội địa phương,

dân quân du kích và công an Khu tự trị, để bảo vệ an toàn của Khu tự trị và giữ gìn trật tự trong Khu. Bộ đội địa phương, dân quân du kích và công an Khu tự trị chủ yếu phải lấy người các dân tộc của Khu tự trị mà tổ chức nên. Bộ đội địa phương và dân quân du kích Khu tự trị là những bộ phận trong Quân đội nhân dân Việt Nam, thuộc quyền chỉ đạo tối cao của Bộ Quốc phòng Tổng tư lệnh. Công an Khu tự trị là một bộ phận trong tổ chức công an toàn quốc thuộc quyền chỉ đạo của Bộ Công an. Theo báo cáo 20 năm hoạt động của khu tự trị Tây Bắc, ngày 19-1-1976 của Ủy ban Hành chính khu: Lực chiến đấu, bộ đội địa phương, dân quân du kích tại Khu tự trị Tây Bắc không ngừng được củng cố, tăng cường, sẵn sàng chiến đấu góp phần làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên chiến trường miền Bắc; chi viện sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước tại miền Nam “Toàn khu có 82 xã trực tiếp chiến đấu, 16 xã bắn rơi máy bay Mỹ và 21 xã bắt sống giặc lái, sản xuất được giữ vững, huy động 562000 lượt người với 95 nghìn mét khối vật liệu đá đảm bảo giao thông phục vụ chiến đấu”[8].

Thứ sáu, Khu tự trị Tây Bắc ra đời có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị sức mạnh văn hóa truyền thống của đồng bào và nhân dân các dân tộc Tây Bắc; đẩy mạnh phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội tại miền Bắc. Sắc lệnh số 230-SL ngày 29 tháng 4 năm 1955 quy định: Mỗi dân tộc trong khu tự trị có quyền tự do tín ngưỡng và có quyền giữ gìn hoặc cải thiện phong tục, tập quán của mình. Những cải thiện về phong tục, tập quán ở một dân tộc nào, đều phải căn cứ vào ý nguyện của đại đa số nhân dân dân tộc đó và ý kiến của những người có uy tín trong nhân dân. Tuyệt đối không được mệnh lệnh cưỡng ép. Chữ Thái và chữ quốc ngữ đều dùng trong công việc hành chính, tuyên truyền, giáo dục (trường hợp nào chữ Thái tiện thì dùng chữ Thái; trường hợp nào dùng chữ quốc ngữ tiện thì dùng chữ quốc ngữ). Đối với các dân tộc không có chữ riêng, sẽ nghiên cứu cách phiên âm tiếng nói của các dân tộc đó. Các dân tộc đều có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trong mọi việc. Chính quyền Khu tự trị có quyền lập trường học, mở nhà thương, và tổ chức những cơ quan văn hoá, xã hội, v.v... của các dân tộc trong khu tự trị.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Khu tự trị Tây Bắc đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong sự nghiệp giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nếu như trước năm 1954; khu vực Tây Bắc có tới trên 95% dân mù chữ, chỉ có 25 trường tiểu học với khoảng 750 học sinh thì đến năm 1975 thì toàn khu đã có 1974 lớp mẫu giáo với 3720 cháu, 2181 lớp vỡ lòng với 49.982 học sinh, 449 trường phổ thông cấp 1 (tiểu học) với 24.989 học sinh, 107 trường cấp 2 (Trung học cơ sở) với 14.461 học sinh và 13 trường phổ thông cấp 3 với 2193 học sinh, có trường dân tộc nội trú (riêng cho con em dân tộc Mèo) có 350 - 400 em theo học từ vỡ lòng đến cấp 2. Về y tế, toàn khu có 90% xã có trạm y tế, có 40 bệnh viện và bệnh xá với 2000 giường[8]. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Bắc từng bước được cải thiện và nâng lên.

3. KẾT LUẬN

Như vậy, trải qua 20 năm hình thành và phát triển (1955-1975); Khu tự trị Tây Bắc đã có những đóng góp quan trọng trong việc tập hợp, đoàn kết, thống nhất, phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng; sự nỗ lực cố gắng, tinh thần tích cực, chủ động, năng động, sáng tạo của cán bộ, chiến sỹ, đồng bào các dân tộc Tây Bắc trong sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; làm thất bại âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch; ổn định tình hình chính trị khu vực Tây Bắc sau năm 1954; khắc phục hậu quả chiến tranh; khôi phục, phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống; xây dựng kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền quốc phòng toàn dân; nâng cao trình độ dân trí, phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế; chi viện sức

người, sức của cho tiền tuyến miền Nam góp phần vào thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La (1994), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sơn La, tập 2 (1954-1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Ban Chấp hành Khu Tây Bắc, “*Báo cáo kiểm điểm mấy công tác lớn trong Khu từ sau ngày hoà bình được lập lại đến nay (4/1955)*”, *Số 21/BC-TB*. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sơn La.
- [3] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 8*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 9*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 12*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Sac-lenh-134-SL-thanh-lap-khu-Tay-Bac-36718.aspx>; truy cập ngày 10/10/2022
- [7] https://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=1091; Trang thông tin điện tử, Bộ Tư Pháp, truy cập ngày 10/10/2022
- [8] <https://sonoivu.sonla.gov.vn/mDefault.aspx?sid=4&pageid=975&catid=61736&id=472707&catname=ky-uc-cam-xuc&title=son-la-ky-su-bai-38-khu-tu-tri-thai-meo>; trích từ “Báo cáo 20 năm hoạt động của khu tự trị Tây Bắc, ngày 19-1-1976” của Ủy ban hành chính Khu tự trị Tây Bắc; truy cập ngày 10/10/2022.

THE TAY BAC AUTONOMOUS REGION DURING THE SOCIALIST CONSTRUCTION IN THE NORTH: CONTRIBUTIONS AND ROLES

Dao Van Truong¹, Dinh Van Luan²

¹Tay Bac University

²University of Fire Fighting and Prevention

Abstract: The Tay Bac Autonomous Region, formerly known as the Thai-Meo Autonomous Region, played an important role and contributed significantly to the construction of socialism in the North (1955-1975). This article aims to review the governmental visions and policies regarding its establishment; summarize and evaluate the role and contribution of the region to the overall renovation and construction of socialism during the 1955-1975 period.

Keywords: Revolution, socialism, autonomous region, Tay Bac.

Ngày nhận bài: 10/12/2022. Ngày nhận đăng: 20/03/2022

Liên lạc: Đào Văn Trường, e-mail: daotruong@utb.edu.vn